**TUẦN 7**

***Thứ hai, ngày 21 tháng 10 năm 2024***

Hoạt động trải nghiệm

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ : RÈN NỀN NẾP SINH HOẠT**

**I. Yêu cầu cần đạt:** Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết được nội dung phong trào rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt.

- Vui vẻ tham gia phong trào rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt

**II. Chuẩn bị**

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. Các hoạt động thực hành**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Tổ chức**  - Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu 7:  + Ổn định tổ chức.  + Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ  + Đứng nghiêm trang  + Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca  + Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờ chương trình của tiết chào cờ.  + Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.  - GV giới thiệu và nhấn mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:  + Thời gian của tiết chào cờ: là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.  + Ý nghĩa của tiết chào cờ: giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh.  + Một số hoạt động của tiết chào cờ:  \* Thực hiện nghi lễ chào cờ.  \* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần  \* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.  \* Góp phần giáo dục một số nội dung: An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.  **2. Gợi ý cách tiến hành:**  Nhà trường/GV Tổng phụ trách Đội/Liên đội trưởng phát động phong trào “Rèn nền nếp” trong học tập và sinh hoạt đối với HS trong toàn trường. Nội dung cơ bản tập trung vào:  - Xây dựng nền nếp trong các hoạt động học trên lớp.  - Xây dựng nền nếp trong các hoạt động học ở nhà.  - Xây dựng nền nếp trong các hoạt động giáo dục khác.  - Hướng dẫn các lớp 1 triển khai rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt đối với HS lớp 1). | - Học sinh thực hiện.  - HS lắng nghe để thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện trải nghiệm.  - Nghe để thực hiện. |

-------------------------------------------------------

Tiếng Việt

**BÀI 34: V, Y** **(T1+T 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết âm và chữ cái **v, y**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có v, y.

- Nối đúng từ ngữ (có âm **v**, âm y) với hình.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Dì Tư***.*

- Viết đúng trên bảng con các chữ và tiếng: **v, y, ve, y** (tá).

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Học liệu điện tử.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Tiết 1  **1. Mở đầu**  - 1 HS đọc bài Tập đọc Thỏ thua rùa (bài 33).  - 1 HS nói ý nghĩa của câu chuyện.  **2. Hình thành kiến thức mới**  \* Khám phá  \* Giới thiệu bài: Âm và chữ cái v (vờ), y  - GV chỉ từng chữ, phát âm.  - GV giới thiệu chữ **V, Y** in hoa.  HĐ1: Làm quen  **a. Âm v, chữ v:**  - GV giới thiệu hình con ve.  - Yêu cầu HS phân tích, đánh vần và đọc tiếng ve.  **b. Âm y, chữ y:**  - GV giới thiệu hình cô y tá.  - Yêu cầu HS phân tích, đánh vần và đọc tiếng tá.  + Củng cố: YCHS nói 2 chữ, 2 tiếng mới.  **3. Luyện tập**  HĐ1: Mở rộng vốn từ (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình).  - GV nêu yêu cầu BT.  - Yêu cầu HS nối từ ngữ.  - GV chỉ hình.  - Yêu cầu HS tìm tiếng ngoài bài.  HĐ2: Tập đọc (BT 3)  a. GV chỉ hình, giới thiệu:  b. GV đọc mẫu.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ ngữ: **dì Tư, y tá, trưa qua, y tế xã, khi về, ghé, vẽ lá, vẽ ve.**  Tiết 2  **a. Luyện đọc câu**  ? Bài có mấy câu. (GV chỉ từng câu cho HS đếm).  - (Đọc vỡ từng câu): GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc.  b. Đọc tiếp nối từng câu (Thi đọc đoạn, bài. (Bài chia 2 đoạn - mỗi đoạn 3 câu). Quy trình đã hướng dẫn.  c. Tìm hiểu bài đọc  - GV gắn lên bảng nội dung BT; chỉ từng từ ngữ cho HS đọc.  - GV ghi lại kết quả nối ghép.  - Yêu cầu cả lớp đọc:  a - 2) **Dì Tư chỉ cho Hà vẽ.**  **b - 1) Hà vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.**  **HĐ3:** **Tập viết** (bảng con)  a. HS nhìn bảng đọc các chữ, tiếng vừa học.  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn chữ **v,** chữ **y.**  - GV hướng dẫn viết **ve, y** (tá) các bước tương tự như **v, y.**  - GV cùng HS nhận xét.  **4. Vận dụng**  **-** GV cho học sinh thi tìm tiếng ngoài bài có âm **v, y**  **5. Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương HS.  Về tập viết các chữ đã học trên bảng con. | - HS hát vận động theo nhạc.  - HS đọc bài.  - Nêu ý nghĩa câu chuyện.  - HS nhắc lại bài (cá nhân, cả lớp).  - HS chú ý theo dõi.  - HS quan sát tranh.  - HS thực hiện.  - HS quan sát tranh.  - HS thực hiện.  - HS nói **v, y; ve, y tá.**  - Đánh vần, đọc trơn. gắn lên bảng cài: **v, y; ve, y tá.**  - HS đọc từng từ ngữ - hình trong VBT.  - Cả lớp nhắc lại.  - HS nói thêm 3 - 4 tiếng ngoài bài có âm v, y.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS đọc cá nhân, N, lớp.  - HS đếm: 6 câu.  - HS đọc( cá nhân, từng cặp).  - HS đọc đoạn CN, N, L.  - HS theo dõi.  - HS làm bài, báo cáo kết quả,  - Cả lớp đọc.  - HS theo dõi, quan sát  - Cả lớp đọc ĐT  - HS chú ý theo dõi.  - HS viết: **V, y** (2 - 3 lần).  - HS viết: **ve, y** (tá)(2 - 3 lần).  - HS viết ở bảng con.  - Báo cáo kết quả: HS giơ bảng.  - HS nhận xét.  - Luyện đọc từ ngữ.  - HS thực hiện cá nhân.  - HS nghe để thực hiện. |

------------------------------------------------------------

**Chiều**

Toán

**PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (T2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:**

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập **Bảng cộng trong phạm vi 6.**

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.

**2. Năng lực:**

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế. (Năng lực giải quyết vấn đề toán học)

- Thông qua việc tiếp cận một số tình hướng đơn giản để nhận biết về cach tìm kết quả phép cộng (NL tư duy và lập luận toán học.)

- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện cộng 2 số. (Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:**

- Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Chuẩn bị**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  - Bài hát: Đếm sao.  **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Khám phá**  Trò chơi: Chuyển bóng  - GV Nhận xét, tuyên dương.  \*Củng cố kiến thức mới:  GV nêu một số tình huống. HS đặt phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng rồi gài kết quả vào thanh gài.  3. Thực hành, luyện tập  *Bài 2: Tính*  - Cho HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm đê tìm kết quả phép tính).  - GV chốt lại cách làm bài.  *Bài 3: Xem tranh rồi nêu phép cộng thích hợp.*  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  - Nhận xét.  4. Vận dụng  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS hát kết hợp vận động.  - Theo dõi, lắng nghe và thực hiện trò chơi.  - HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng và tính kết quả.  - HS thảo luận với bạn về kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.  1 + 1 = 2 1 + 2 = 3 1 + 5 = 6  2 + 2 = 4 2 + 4 = 6 3 + 3 = 6  4 + 1 = 5 2 + 3 = 5 1 + 4 = 5  - HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tưomg ứng. Chia sẻ trước lớp.  - HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.  - HS trả lời. |

---------------------------------------------------------

STEM

**TRẢI NGHIỆM CÙNG KHAY 10 TOÁN HỌC**( T1)

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT (CỦA MÔN HỌC):**

+ Môn Toán: Đếm và viết được số hình tròn trong mỗi khay. Xếp đủ số hình tròn vào mỗi khay theo yêu cầu.

+ Môn Mĩ thuật:

-Hiểu được một số thao tác, công đoạn cơ bản để làm nên sản phẩm

-Phối hợp được một số kĩ năng: gấp, vẽ,... trong thực hành, sáng tạo.

-Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm, chia sẻ mục đích sử dụng.

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT ( CỦA BÀI HỌC)**

- Đếm và viết được số trong phạm vi 10.

- Thực hành sử dụng các vật liệu đơn giản để làm “Khay 10 học toán”.

- Sử dụng “Khay 10 học toán” để đếm nhanh số lượng hình.

- Tự tin trình bày ý kiến khi thảo luận đề xuất ý tưởng và trưng bày, giới thiệu sản phẩm của nhóm mình trước lớp.

- Hợp tác với các bạn để tạo sản phẩm và điều chỉnh, hoàn thiện sản phẩm của nhóm.

- Có cơ hội hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**II.ĐỒ DÙNG:**

-Giấy trắng hoặc bìa màu hoặc bìa carton cỡ A4

-Bút màu, băng giấy màu, hồ dán, kéo

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1.Mở đầu.**  - Hoạt động 1. Chơi trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”  - GV chiếu video bài hát “bé tập đếm” và mời HS cùng hát, vận động theo clip.  - GV hỏi: Trong bài hát vừa rồi, 4 là số lượng của con vật nào?  - GV kết nối và mời HS chơi trò chơi: “Ai nhanh – ai đúng”.  - Cô giới thiệu với cả lớp cách chơi: Quản trò yêu cầu người chơi lấy số lượng đồ dùng bất kì trong bộ đồ dùng học tập. Người chơi lấy số lượng theo đúng yêu cầu. Ví dụ: Quản trò hô “Tôi cần 2 tam giác!”, các em lấy 2 tam giác trong bộ đồ dùng đặt lên bàn.  - GV mời HS lên làm quản trò cho cả lớp chơi.  - GV đề nghị hai HS ngồi cạnh nhau kiểm tra các lần lấy của nhau xem có đúng không:  + Cô mời hai bạn ngồi cùng bàn kiểm tra xem chúng ta có lấy số đồ dùng giống nhau không nhé. - GV hỏi: Khi kiểm tra số số dùng các lần, con làm thế nào?  - GV: Trò chơi này được nhiều bạn nhỏ rất thích. Các bạn HS trong sách Bài học STEM cũng chơi như chúng ta đấy. Chúng ta cùng quan sát bức tranh trang 6, sách Bài học STEM và cho cô biết, các bạn dùng những gì để chơi trò chơi?  - GV: Hình màu trắng, có 10 ô đó cô gọi là khay 10 học Toán. Khay 10 giúp chúng ta điều gì trong học Toán? Các con có thích làm một chiếc khay như vậy không? Chúng ta cùng thực hiện tiếp hoạt động 2 để hiểu hơn về bài và sau đó sẽ đi làm khay 10 nhé  **2.Hình thành kiến thức mới.**  Hoạt động 2: Thực hành nhận biết số trong phạm vi 10  a) Số?  \* Thực hiện bài tập  - GV yêu cầu HS mở sách Bài học STEM 1, trang 7.  - GV hỏi: Bài 2 yêu cầu chúng ta làm gì?  - GV hỏi: Cô mời một bạn nêu cách thực hiện phần a?  - GV khẳng định lại cách làm: Đếm số hình và điền số vào ô vuông. Sau đó, mời cả lớp làm bài.  - GV yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau kiểm tra và chữa bài cho nhau.  - GV chữa bài trước lớp.  Mỗi lần chiếu đến hình nào thì hỏi. “Có mấy hình tròn?”  - GV cùng có thể sử dụng hình nam châm, gắn lên bảng để chữa từng ý.  - Trong quá trình chữa bài, GV hỏi HS để phân tích từng ý. Ví dụ:  + Vì sao con điền số 8 vào khay số 5.  + Làm thế nào để biết khay đó có 8 hình tròn?  \* Tìm hiểu khay 10  - GV hỏi:  + Quan sát các hình vừa làm, con thấy khay 10 có hình gì?  + Khay 10 có mấy hàng, mỗi hàng có mấy ô?  + Các ô như thế nào với nhau?  - GV khẳng định: Khay 10 là 1 khung hình chữ nhật được chia thành 10 ô có khoảng cách bằng nhau. Khay 10 có 2 hàng, mỗi hàng có 5 ô.  b) Xếp thêm cho đủ số hình tròn  - GV: Mời một bạn đọc cho cô yêu cầu của phần b?  - GV: Các con đã biết cấu tạo của khay 10. Hãy dựa vào cấu tạo của Khay 10 để xếp hình cho đúng và nhanh.  - Trong quá trình HS chữa bài, GV có thể nêu câu hỏi để HS phân tích. Ví dụ:  + Con đã xếp thêm mấy hình tròn để được 5 hình tròn?  + Con đã xếp thêm mấy hình tròn để được 10 hình tròn?  + Con đã xếp thêm mấy hình tròn để được 7 hình tròn?  - GV giảng: Dựa vào khay 10 ta có thể dễ dàng biết cấu tạo của 1 số. VD: 5 gồm có 2 và 3.  - GV: Hãy dựa vào khay 10 nêu cho cô cấu tạo của số 10? Số 7?  (GV có thể yêu cầu nêu số khác)  **TỔNG KẾT BÀI HỌC**  - GV khen ngợi HS thực hiện bài tốt, động viên các em luôn cố gắng học tập. | - HS hát và vận động theo.  - HS trả lời (con bướm).  - HS lắng nghe cách chơi.  - HS cả lớp chơi theo quản trò. Lấy đúng số lượng đồ dùng quản trò yêu cầu và xếp ra bàn theo thứ tự các lần. (khoảng 5 lần)  - HS kiểm tra lẫn nhau và báo kết quả.  - HS trả lời theo suy nghĩ.  + Các bạn cũng dùng bộ đồ dùng học Toán.  + Các bạn có thêm đồ dùng để xếp các hình trò.  +…  - HS thực hiện mở sách.  - HS trả lời theo suy nghĩ (Có mấy số? Số mấy? ...)  - HS trả lời theo suy nghĩ. (Đếm số hình tròn trong mỗi hình và viết số)  - HS làm bài cá nhân.  - HS làm việc theo cặp.  - HS trả lời lần lượt từng ý theo điều hành của cô.  khay 1 có: 7 hình tròn  khay 2 có: 5 hình tròn  khay 3có: 6 hình tròn  khay 4 có: 4 hình tròn  khay 5 có: 8 hình tròn  khay 6 có: 10 hình tròn  - HS trả lời.  + Vì khay đó có 8 hình tròn  + Con đếm từ 1 đến hết thấy có 8 hình tròn.  + Con thấy hàng ngang trên có 5 hình tròn.  + Hàng ngang dưới có 3 hình tròn, tất cả có 8 hình tròn.  + Con thấy hàng ngang trên có 5 hình tròn, hàng ngang dưới có 3 hình tròn. 5 hình tròn và 3 hình tròn tất cả là 8 hình tròn.  - HS: Hình chữ nhật.  - HS: 2 hàng, mỗi hàng có 5 ô.  - HS: các ô bằng nhau.  - HS: Xếp thêm cho đủ số hình tròn.  - HS xếp thêm hình; chữa bài trong nhóm; chữa trước lớp.  - HS: Có 2 hình tròn, con xếp thêm 3 hình tròn để được 5 hình tròn.  - HS: Có 5 hình tròn, con xếp thêm 5 hình tròn để được 10 hình tròn.  - HS: Có 1 hình tròn, con xếp thêm 6 hình tròn để được 7 hình tròn.  HS nêu. Nối tiếp nhau.  - HS trả lời theo suy nghĩ. (Con đếm ạ). |

***Thứ ba, ngày 22 tháng 10 năm 2024***

Tiếng Việt

**CHỮ HOA (t1+t2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết chữ in hoa trong câu; bước đầu làm quen với chữ viết hoa.

- Nhận ra và đọc được các chữ in hoa trong câu ứng dụng; ghi nhớ quy tắc viết hoa chữ đầu bài, đầu câu, tên riêng.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc Chia quà. Tìm được trong bài chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu, chữ hoa ghi tên riêng.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Chuẩn bị**

- Bảng nhỏ viết 2 điều cần ghi nhớ về quy tắc viết hoa.

- Bảng chữ thường - chữ hoa phóng to (nếu có).

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  - Cho HS đọc, viết các chữ: ve, y  - GV nhận xét.  **2. Hình thành kiến thức mới**  **Khám phá**  - GV giới thiệu bài.  BT1: Tìm chữ hoa trong câu.  - GV viết lên bảng câu “Dì Tư là y tá.”, cả lớp đọc. GV giải thích: Đây là 1 câu văn, cuối câu có dấu chấm.  - GV nêu YC: Phát hiện những chữ được viết hoa trong câu.  - GV: Vì sao chữ D trong tiếng Dì viết hoa?  - GV: Vì sao chữ T trong tiếng Tư viết hoa?.  - GV mời 3 - 4 HS nói tên mình, đầy đủ họ, tên; nhắc HS: Khi viết tên riêng của mình, của mọi người, các em cần viết hoa. Viết hoa tên riêng, viết hoa cả họ và tên đệm. Không viết hoa tên riêng là viết sai chính tả  Ghi nhớ (BT 2):  - GV gắn lên bảng quy tắc viết hoa; đọc quy tắc cho HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhắc lại.  - Dặn HS ghi nhớ 2 quy tắc vừa học để viết hoa đúng chính tả.  **3. Luyện tập**  **3.1. Tập đọc (BT 3)**  a. GV đưa lên bảng lớp hình minh hoạ bài Chia quà*;* giới thiệu:  b. GV đọc mẫu.  c. Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): chia quà, thị xã, cả nhà, mía, sữa, quà quý.  d. Luyện đọc câu  - GV: Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ từng câu: GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  d.Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu/2 câu); thi đọc cả bài.  e. Tìm hiểu bài đọc  GV: Đi thị xã về, má chia quà cho cả nhà. Má không chia quà cho má vì má đã có quà quý. Quà quý đó là gì?  GV: Hai đứa con là quà quý của má. Con cái luôn là món quà quý giá nhất của cha mẹ.  **Tiết 2**  3. 2. Tìm trong bài đọc những chữ hoa (BT4)  - Cho cả lớp nhắc lại quy tắc chính tả viết hoa.  - GV nêu YC; từng cặp HS đọc bài trong SGK, tìm chữ hoa bắt đầu từ tên bài.  - Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu.  - Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa ghi tên riêng trong bài.  3. 3. Giới thiệu bảng chữ in thường - in hoa, viết thường - viết hoa  - GV chỉ Bảng chữ thường,chữ hoa (trên bảng lớp); giới thiệu các kiểu chữ (in | - 2 HS thực hiện.  - HS chú ý theo dõi.  - HS đọc: Dì Tư là y tá.  - Chữ D trong tiếng Dì viết hoa, chữ T trong tiếng Tư viết hoa.  - Vì Dì đứng đầu câu. HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  - Vì Tư là tên riêng của dì.  - HS nói tên mình.  - HS lắng nghe.  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhắc lại.  - HS đọc quy tắc.  - HS lắng nghe.  - HS luyện đọc.  - HS đếm: 8 câu.  - HS luyện đọc.  - HS thi đọc bài.  - Quà quý đó là bé Lê và Hà.  - HS nhắc lại quy tắc  - Các cặp HS cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  - HS nói.  - HS lắng nghe.  - HS chỉ và đọc.  - 4 cặp (8 HS) tiếp nối nhau báo cáo kết quả (mỗi em nói 1 câu). |

----------------------------------------------------------------

Hoạt động trải nghiệm

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**TỰ CHĂM SÓC BẢN THÂN**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1**. **kiến thức, kỉ năng:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

– Hình thành một số thói quen tự phục vụ, chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi như: tự vệ sinh cá nhân, tự phục vụ bản thân, chăm sóc cơ thể.

**2. Năng lực:**

**-** Giao tiếp, hợp tác ; Tự chủ, tự học.

 - Bày tỏ cảm xúc, lời nói và việc làm thể hiện tình yêu thương với người thân trong gia đình.

**3. Phẩm chất**

Vui vẻ tham gia phong trào rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* SGK.
* Tranh ảnh minh hoạ cho bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Hoạt động khởi động:**  - GV giới thiệu trực tiếp vào bài học Hoạt động giáo dục theo chủ đề “Tự chăm sóc bản thân”  **2. Hoạt động Khám phá-Luyện tập**  - Chia lớp thành cặp đôi  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi:  + Hằng ngày, bạn đã làm gì để chăm sóc bản thân?  + Bạn làm những việc đó vào lúc nào?  + Bạn cảm thấy như thế nào khi tự mình làm những công việc đó?  - Y/C HS cử đại diện trình bày trước lớp.  - GV và HS cùng nhận xét.  **\*GV kết luận:**  - Hằng ngày, em cần tự mình làm những việc phù hợp để chăm sóc bản thân: vệ sinh cá nhân, ăn uống, rèn luyện sức khoẻ.  **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.**  **Hoạt động 2: Thực hành chăm sóc bản thân**  *Bước 1. Hoạt động chung cả lớp:*  - GV nêu yêu cầu:  + Quan sát lại trang phục của em.  + Chỉnh sửa lại đầu tóc, trang phục (quần áo, giày dép) gọn gàng.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS  *Bước 2. Hoạt động cặp đôi:*  - Từng cá nhân HS thực hành chỉnh sửa *quần áo, giày dép,* đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ.  - Y/C HS trong nhóm quan sát, sửa trang phục đầu tóc cho nhau.  *Bước 3. Chia sẻ trước lớp:*  - GV mời số bạn chia sẻ trước lớp về hoạt động tự thực hành của bản thân.  - GV và HS cùng hỏi đáp về những lưu ý khi chuẩn bị trang phục và vệ sinh cá nhân.  **\* Kết luận:**  Các em cần lựa chọn, chuẩn bị trang phục gọn gàng, sạch sẽ và phù hợp với thời tiết. Tự chăm sóc bản thân giúp em tự tin và chủ động hơn.  **4. Hoạt động vận dụng:**  - Về nhà chia sẻ với người thân về những việc cần làm để chăm sóc bản thân.  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | -Hs hát  - Lắng nghe  - Chia theo bàn  - HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi.  + HS đưa ra các việc làm thể hiện sự chăm sóc bản thân: đánh răng, rửa mặt, ăn uống, ngủ nghỉ,….  + HS đưa ra khung thời gian thực hiện việc chăm sóc bản thân của mình.  + HS nêu cảm xúc của mình  .  - 2 đến 3 cặp HS trình bày trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn.    Theo dõi, lắng nghe.  - HS thực hiện các Y/C của GV:  + Tự quan sát quần áo.  + Tự chỉnh trang quần áo, giày dép cho ngay ngắn  - HS thực hành  - HS trong nhóm quan sát, sửa và góp ý cho nhau.  - Lần lượt HS lên chia sẻ trước lớp về hoạt động tự thực hành của bản thân.  - HS theo dõi  - Lắng nghe, ghi nhớ  - Lắng nghe |

Chiều

Toán

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo- TIẾT 3)

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 10.và thành lập bảng cộng

trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực:**

- Thông qua việc tiếp cận một số tình hướng đơn giản để nhận biết về cach tìm kết quả phép cộng (NL tư duy và lập luận toán học.)

- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện cộng 2 số. (Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học)

**3. Phẩm chất:**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  1. Mở đầu  Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.  2. Hoạt động hình thành kiến thức  - Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau.  - Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).  - *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.  - GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  - GV tổng kết: Có thể nói:  Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.  Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.  Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.  Dòng thứ tư được coi là Bảng cộng: Một số cộng 4.  Dòng thứ năm được coi là Bảng cộng: Một số cộng 5.  3. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở.  - GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhấm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 4 + 1; 1 + 4; 5 + 1; 1 + 5; ...  - Ở câu b), GV nên đặt câu hỏi đế HS quan sát và nêu nhận xét các phép tính trong từng cột, chẳng hạn: Khi đổi chồ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đôi. HS lấy thêm ví dụ tương tự: 2 + 3 = 5; 3 + 2 = 5; ...  **Bài 2.** HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích họp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp.  **4**. **Vận dụng**  - HS nghĩ ra một số tinh huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 đế hôm sau chia sẻ với các bạn. | **Hoạt động của học sinh**  - HS hát.  - HS thực hiện.  - HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6.*  - HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).  - HS thực hiện.  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  - Chia sẻ trước lớp.  - HS thực hiện.  - HS trả lời. |

----------------------------------------------------------

Tập viết

**TẬP VIẾT (SAU BÀI 34, 35)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

- Tô đúng, viết đúng các chữ **v, y** các tiếng **ve, y tá, chia quà** - chữ viết thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, đặt đúng vị trí, đưa bút theo đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu trong vở Luyện viết 1, tập một.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

- Rèn HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mĩ khi viết chữ

**II. Đồ dùng dạy học**

- GV: Máy chiếu , mẫu chữ.

- HS: SGK, vở luyện viết 1, tập một.

**III. Các hoạt động dạy - học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  - Trò chơi: Bắn tên.  - GV giới thiệu bài  **2. Hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1**:Luyện đọc.  - GV hướng dẫn HS đọc chữ **v, y** các tiếng **ve, y tá, chia quà**.  **Hoạt động 2: Luyện viết**  **\* Tập tô, tập viết:v, y, ve, y tá.**  - GV vừa viết mẫu lại từng tiếng vừa hướng dẫn cách viết:  + Chữ **v**: cao 2 li, viết 1 nét móc ngược hai đầu, phần cuối nối với nét thắt, tạo thành vòng xoăn nhỏ. Cách viết: Đặt bút ở khoảng ĐK 2 và ĐK 3, viết nét móc hai đầu, cuối nét kéo dài tới gần ĐK 3 thì lượn trái, tới ĐK 3 thì nối với một nét thắt, tạo thành vòng xoắn ở cuối nét, dừng bút gần ĐK 3.  + Tiếng **ve**: viết **v** trước, **e** sau.  + Chữ **y**: cao 5 li, viết 1 nét hất, 1 nét móc ngược phải, 1 nét khuyết ngược. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 2 trên, viết nét hất, đến ĐK 3 trên thì dừng. Từ điểm dừng nét 1, chuyển hướng bút viết nét móc ngược phải. Từ điểm dừng bút của nét 2, rê bút thẳng lên ĐK 3 trên rồi chuyển hướng ngược lại, viết nét khuyết ngược (kéo dài xuống đường kẻ 4 phía dưới) dừng bút ở ĐK 2 trên.  + **Tiếng y tá**: viết **y** trước**, tá** sau, dấu sắc đặt trên chữ **a.**  -GV y,c HS thực hành viết.  -GV hướng dẫn, giúp đỡ HS kết hợp nhận xét đánh giá.  **\* Tập viết: ch, qu, chia quà:**  - GV y/c HS đọc các chữ cần viết.  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Chữ ch: viết **c** trước **h** sau.  + Tiếng qu: viết **q** trước, **u** sau.  + Tiếng chia quà: viết ch trước, ia sau/ tiếng quà: viết **qu** trước, **a** sau, dấu **huyền** đặt trên chữ **a.**  - GV y/c HS viết bài.  - GV quan sát, giúp đỡ HS, đánh giá, tuyên dương các em viết đẹp.  **3. Luyện tập**  - GV yêu cầu HS viết vào vở ô li.  - GV theo dõi hướng dẫn thêm.  **4. Vận dụng**  - Về nhà các em đọc các chữ, tiếng, cho người thân nghe nhé. | - HS hát.  - HS nhìn bảng, đọc.  - HS đọc: **v, y, ve, y tá**.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS thực hiện viết ( 2 lần)  - 1 HS đọc bài.  - HS quan sát lắng nghe.  - HS thực hiện viết ( 2 lần).  - Nghe thực hiện . |

-----------------------------------------------------

***Thứ tư, ngày 23 tháng 10 năm 2024***

Tiếng Việt

**BÀI 36 : AM - AP ( T1+2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các vần **am, ap;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có các vần **am, ap** với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”

- Nhìn chữ dưới hình, tìm và đọc đúng tiếng có vần am, ap

- Đọc đúng, hiểu bài tập đọc **Ve và gà.**

- Viết đúng trên bảng con các vần **am, ap** và các tiếng (quả) **cam**, (xe) **đạp.**

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, yêu quý các con vật

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Chuẩn bị**

- GV: Học liệu điện tử.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn. Vở tập viết.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Mở đầu**  - Gọi HS đọc bài **Chia quà.**  - GV nhận xét, tuyên dương.  **2. Hình thành kiến thức mới**  **khám phá** (BT1,2)  **HĐ1:** Dạy vần **am.**  a. Chia sẻ:  **-** GV chỉ từng chữ **a, m.**  b. Khám phá**:**  **-** GV chiếu lên bảng hình quả cam  H: Đây là quả gì?  **?** Trong từ **quả cam** tiếng nào có vần **am**  **-** Phân tích tiếng **cam.**  - GV giới thiệu mô hình vần **am.**  - GV giới thiệu mô hình tiếng c**am.**  **HĐ2 : Dạy vần ap**  (Các bước tương tự như dạy vần **am)**.  - So sánh vần **am** và vần **ap** ?  \* Cũng cố :  - Các em vừa học 2 vần gì mới ? Hai tiếng gì mới ?  - GV chỉ mô hình vần **am, ap** tiếng **cam, đạp.**  **3. Luyện tập**  **HĐ3: Mở rộng vốn từ. (**BT3: Tiếng nào có vần **am**, tiếng nào có vần **ap).**  **a.** Xác định YCBT: GV đưa lên bảng 6 hình minh họa, nêu YCBT.  **b.** Đọc tên sự vật: GV chỉ từng từ theo số thứ tự.  - GV giải nghĩa từ: **Tháp Rùa, quả trám**  **c.** Tìm tiếng có vần **am ap:**  **d.** Báo cáo kết quả  - GV nhận xét chốt ý đúng.  **HĐ4: Tập viết** (Bảng con - BT5)  **a.** viết vần **am, ap:**  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết.  - GV nhận xét.  **b.** Viết **quả cam, xe đạp**  **-** GV hướng dẫn cách viết.  **Tiết 2**  **HĐ4: Tập đọc (**BT4)  **a.** GV chỉ hình minh họa gới thiệu bài đọc **Ve và gà** giới thiệu ND bài tập đọc.  **b.** GV đọc mẫu  **c.** Luyện đọc từ ngữ: **mùa hè, ham múa ca, thỏ thẻ…**  **d.** Luyện đọc từng câu:  + Bài văn có mấy câu?  - Đọc vỡ: GV chỉ từng câu.  - Đọc nối tiếp từng câu.  **e.** Thi đọc nối tiếp 2 đoạn, cả bài.  **g.** Thi đọc theo vai.  **h.** Tìm hiểu bài đọc. (Thay hình ảnh bằng từ ngữ thích hợp)  - GV nêu YCBT.  - GV chốt: Ve chê bai, coi thường gà mẹ, làm gì chả có thú vị phải múa ca như ve mới là hay.  **4. Vận dụng**  - Khuyến khích HS về nhà đọc lại bài đọc **Ve và gà** cho người thân nghe. | - HS hát.  - HS đọc CN - T - Lớp.  - HS đọc **a - mờ - am**. Cả lớp: **am**  - HSTL.  - Cam.  - Tiếng **cam** có âm **c** đứng trước vần **am** đứng sau.  - HS đọc CN - T - Lớp.  - HS đọc CN - T - Lớp:  - Giống: đều bắt đầu bằng âm **a**, khác vần **am** có âm cuối **m** vần **ap** có âm cuối **p.**  - HSTL.  - HS đánh vần, đọc trơn.  - HS trả lời.  - HS đọc tên từng sự vật , hành động (cá nhân - tổ - cả lớp): **khám, tháp rùa, quả trám.**  - HS lắng nghe.  - HS làm BT vào VBT.  - HS trình bày kết quả.  **-** HS nhìn bảng đọc lại các vần , tiếng vừa học.  - HS viết bảng con (2 - 3 lần).  - HS viết bảng con (2 - 3 lần).  - Đọc tiếng vừa viết trên bảng con.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  **-** HS đọc CN, tổ - lớp.  - HS đếm: 5 câu.  **-** 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - HS đọc cá nhân - cặp - tổ.  - HS đọc cá nhân, tổ.  - HS nối tiếp đọc, cặp, tổ, lớp.  - 3 HS đọc phân theo 3 vai.  - Cả lớp đọc bài ở SGK.  - HS đọc trên bảng lớp.  - HS đọc từng ý a, b của BT. khoanh tròn trước ý đúng.  - Cả lớp đọc lại 2 trang bài 36. |

------------------------------------------------

***Thứ 5 ngày 24 tháng 10 năm 2024***

Tiếng Việt

**BÀI 37: ĂM, ĂP (Tiết 1+ 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các vần ăm, ăp; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ăm, ăp.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ăm**, vần **ăp**.

- Đọc đúng, hiểu bài **Ve và gà** .

- Viết đúng các vần **ăm, ăp** và các tiếng **chăm** (chỉ), **cặp** (da) (trên bảng con).

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, yêu quý các con vật.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Chuẩn bị**

- GV: Máy chiếu hoặc tranh ảnh. Bảng cài, bộ thẻ chữ.

- HS: SGK, bảng con, vở luyện viết

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  - 1 HS đọc bài **Ve và gà** (bài 36). 1 HS trả lời câu hỏi: Qua cuộc nói chuyện giữa ve và gà mẹ, em nghĩ gì về ve?.  - GV nhận xét.  **2. Hình thành kiến thức mới**  **Khám phá**  - GV giới thiệu vần **ăm, ăp.**  \* HĐ1: Dạy vần **ăm**  - GV chỉ **ăm**.  - GV chiếu hình.  ?Em bé đang làm gì.  ?Em bé thế nào.  ?Trong từ “chăm chỉ” tiếng nào có vần **ăm.**  - HS phân tích vần **ăm.**  - GV cho HS đánh vần.  - GV giới thiệu mô hình tiếng chăm.  - GV cho HS đánh vần rồi đọc trơn.  \*HĐ2: (Dạy vần **ăp** tương tự vần **ăm**).  \* Củng cố: Vừa rồi đã học 2 vần mới, 2 tiếng mới nào?  **3. Luyện tập, vận dụng**  \*HĐ1: Mở rộng vốn từ:  Bài 2: Tìm tiếng có vần ăm, tiếng có vần **ăp.**  - GV chỉ chữ dưới hình.  - GV giải nghĩa: tằm là sâu ăn lá dâu, lá sắn, nuôi để lấy tơ dệt vải.  ? Tìm tiếng có vần ăm, ăp trong bài 2.  - GV chỉ các từ in đậm ở SGK.  - Gọi HS tìm tiếng ngoài bài có vần **ăm, ăp.**  \* HĐ2: Tập viết: (bảng con - Bài 4).  - GV gọi HS đọc.  - GV hướng dẫn học sinh quy trình viết các vần và tiếng: **ăm, ăp, chăm, cặp**.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS yếu viết bài.  **Tiết 2**  \* HĐ3: Tập đọc: Bài 3  - GV đọc mẫu.  - Luyện đọc từ ngữ: **mùa thu, cỏ lá, chả có gì, gặp, ngỏ ý, thủ thỉ, chăm múa, chăm làm, chả lo gì.**  - Luyện đọc câu: Bài có 7 câu. GV chỉ từng câu.  - Đọc nối tiếp từng câu.  - Tìm hiểu bài.  + GV nêu yêu cầu BT, chỉ các câu ở bảng.  + Gọi HS nêu kết quả.  + GV chốt: Ý đúng: ý a.  + GV: Qua câu chuyện em hiểu được điều gì?  Câu chuyện khuyên ta điều gì? (Phải chăm chỉ lao động. Vừa biết vui chơi vừa chăm chỉ lao động thì cuộc sống sẽ tốt đẹp, không phải lo lắng gì).  **4. Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét tiết học.  - Về nhà đọc lại bài Ve và gà và chuẩn bị bài sau. | - HS hát.  - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS đọc **ă - mờ - ăm**. Cả lớp **ăm.**  - HS quan sát.  - HS trả lời: em quét nhà.  - HS trả lời: em rất chăm chỉ.  - HS trả lời: tiếng **chăm.**  - HS phân tích cá nhân, cả lớp.  - Vần ăm gồm có âm ă đứng trước, âm m đứng sau.  - Đánh vần cá nhân, tổ, lớp  **ă - m - ăm/ăm.**  - HS đánh vần cá nhân, tổ, lớp: chờ - **ăm - chăm/ chăm.**  - HS đánh vần và đọc trơn vần **ăm,** tiếng chăm, chăm chỉ. (cá nhâ, tổ, lớp).  - HS trả lời: **ăm, ăp, chăm, cặp.**  - HS chú ý lắng nghe.  - 1 HS đọc, cả lớp đọc: **thắp, bắp ngô, tằm,…**  - HS thảo luận cặp đôi.  - Đại diện cặp nêu kết quả.  - Cặp khác nhận xét.  - HS nói tiếng thắp có vần ăp, tiếng tằm có vần ăm.  - HS nêu cá nhân.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS đọc các vần và tiếng vừa học **ăm, ăp, chăm, cặp.**  - HS theo dõi.  - HS viết bảng con **ăm, ăp** (2 lần). Sau đó viết **chăm chỉ, cặp da.**  - Đọc cá nhân, cả lớp.  - 1HS đọc, cả lớp đọc.  - HS đọc cá nhân, từng cặp.  - HS thi đọc 2 đoạn (đoạn 1 là 5 câu đầu, đoạn 2 là 2 câu cuối).  - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc ĐT.  - HS đọc.  - HS trả lời, HS khác nhận xét.  - HS nhắc lại ý đúng và đọc.  - HS trả lời.  - HS nhắc lại.  - Cả lớp đọc lại bài 37 và đọc các chữ dưới chân trang.  - HS nghe để thực hiện. |

-----------------------------------------------------

Ôn luyện kiến thức

**LUYỆN TIẾNG VIỆT: ÔN TẬP V, Y; AM, AP, ĂM, ĂP**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

- Củng cố cho HS các âm s, x và đọc đúng tiếng có chữ cái đã học.

- Đọc đúng các tiếng có chứa âm **v, y,** vần **am, ap, ăm, ăp,** các từ **chăm làm, múa sạp**.

- Viết đúng các chữ **v, y,** vần **am, ap, ăm, ăp,** các từ **chăm làm, múa sạp**, viếtchữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học**:

- Tranh, ảnh, mẫu vật.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  **2. Luyện tập, vận dung**  **Bài 1:**  **-** Em hãy kể tên những âm mà em đã được học trong tuần qua.  - Gọi HS đọc  - GV nhận xét  **Bài 2:** Viết **v, y,** vần **am, ap, ăm, ăp,** các từ **chăm làm, múa sạp**  - GV đọc cho HS viết.  - GV theo dõi giúp HS yếu viết bài.  - Thu vở chấm.  **Bài 3:** Tìm tiếng, từ chứa vần **am, ap, ăm, ăp**  - Đặt 1 câu có tiếng, từ chứa vần em vừa tìm được.  **3. Vận dụng.**  - Em hãy nêu lại các nội dung đã ôn tập.  - Nhận xét tiết học.  - Về nhà đọc ôn lại bài. | - HS hát.  - HS kể  - HS lên bảng đọc.  - HS làm bài cá nhân.  - HS viết vào vở ô ly.  - Đổi vở kiểm tra.  - HS đọc  - HS tìm và nêu cá nhân  - HS nêu |

***Thứ sáu, ngày 25 tháng10 năm 2024***

Tiếng Việt

**TẬP VIẾT SAU BÀI 36, 37**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

- Viết đúng **am, ap, ăm, ăp, quả cam, xe đạp, chăm chỉ, cặp da -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

- Rèn HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mĩ khi viết chữ.

**II. Đồ dùng dạy học**

- GV: Máy chiếu, mẫu chữ.

- HS: SGK, vở luyện viết 1, tập một.

**III. Các hoạt động dạy - học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  - GV cho HS đọc: **am, ap, ăm, ăp.**  + Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hình thành kiến thức mới**  \*Luyện tập  - HS đánh vần, đọc trơn: am, quả cam, ap, xe đạp; ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da.  Tập viết: am, quả cam, ap, xe đạp*.*  GV vừa viết mẫu từng vần, từ ngữ, vừa hướng dẫn quy trình viết. Chú ý độ cao  các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu  thanh trong các tiếng quả, đạp*.*  - HS viết các vần, từ ngữ; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  **3. Củng cố, dặn dò:**  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc những HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết. | - HS đọc bài.  - 1HS đọc các vần, từ ngữ; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - HS chú ý quan sát.  - HS viết các vần, từ ngữ trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  - Tập viết: **ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da** (như mục b).  - HS lắng nghe. |

-------------------------------------------------------------

Tiếng Việt

**KỂ CHUYỆN: CHÚ THỎ THÔNG MINH**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Thỏ con thông minh đã lừa được cá sấu, tự cứu mình thoát khỏi miệng cá sấu.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, yêu quý các con vật

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Chuẩn bị**

- Học liệu điện tử.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  + GV chỉ tranh 1, 2, 3 minh họa truyện **Dê con nghe lời mẹ**. Mời 2 HS lên kể lại.  + GV chỉ tranh 4, 5.  + Mời 1 HS kể toàn chuyện.  + GV cho học sinh nhận xét.  **2. Hình thành kiến thức mới**  **2.1: Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện**  a. Quan sát và phỏng đoán.  - GV chiếu lên bảng 6 tranh minh họa.  - Các em xem tranh và nói tên các con vật trong tranh.  - GV hãy thử đoán nội dung truyện.  b. Giới thiệu truyện  - GV giới thiệu tên truyện: Chú thỏ thông minh  **2.2. Khám phá và luyện tập**  **a. GV kể chuyện**  + GV kể lần 1: kể không chỉ tranh.  + GV kể lần 2: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.  + GV kể lần 3: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.  Nội dung câu chuyện: (Trong SGV)  **b. Trả lời câu hỏi theo tranh.**  + GV nêu lần lượt các câu hỏi dưới mỗi tranh  - GV chỉ tranh 1, 2 cho học sinh trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.  - Tiếp tục cho HS trả lời câu hỏi với các cặp tranh còn lại.  - GV cho HS trả lời cả 6 câu hỏi theo 6 bức tranh.  **c. Kể chuyện theo tranh**  - GV yêu cầu mỗi HS chọn 2 tranh và tự kể chuyện theo 2 tranh đó.  - GV gọi HS lên kể trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét bạn kể.  \* Trò chơi : Ô cửa sổ.  - GV chiểu lên bảng các ô cửa sổ (6 ô cửa sổ)  - GV mở cửa sổ để hiện ra hình minh họa đoạn chuyện.  - GV cho HS chơi trò chơi.  - GV mở cả 6 tranh yêu cầu 1 HS kể lại toàn bộ câu chuyện.  - GV cất tranh mời HS kể lại câu chuyện.  **d. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?  - GV nêu kết luận câu chuyện: Thỏ con thông minh đã lừa được cá sấu, tự cứu mình thoát khỏi miệng cá sấu.  - GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay.  **3. Vận dụng**  - Về nhà kể lại cho người thân nghe.  **4. Củng cố dặn dò:**  - Xem trước tranh minh họa, chuẩn bị cho tiết kể chuyện sau | - HS hát, vận động theo bài hát.  - HS quan sát.  - 2 HS lên kể.  - 2 HS lên kể.  - HS xung phong.  - HS quan sát.  - HS quan sát chia sẻ theo cặp.  - HS đoán ND câu chuyện.  - HS lắng nghe.  + HS lắng nghe GV kể.  + HS lắng nghe và quan sát tranh.  + HS lắng nghe và quan sát tranh.  + HS nối tiếp nhau trả lời (mỗi bức tranh 2 HS trả lời.  - HS trả lời.  - 1 HS trả lời câu hỏi ở cả 6 tranh.  - HS tự chọn 2 tranh và tập kể theo tranh.  - HS xung phong lên kể cặp tranh mình đã chọn.  - HS theo dõi và chọn ô cửa sổ mình thích.  - HS nhìn hình minh họa và kể lại chuyện.  - HS xung phong kể.  - HS xung phong lên kể. chuyện.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - Nghe để thực hiện. |

-------------------------------------------------------------

**Chiều**

Tiếng Việt

**BÀI 39: ÔN TẬP**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ:**

- Biết ghép các âm đã học thành vần; tìm đúng tiếng có vần đó.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc Đêm ở quê.

- Tập chép đúng câu văn (chữ cỡ vừa).

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, sáng tạo. Vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- SGK, học liệu điện tử

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. Mở đầu  - Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hình thành kiến thức mới**  \* Luyện tập, vận dụng  \* HĐ1: Tập đọc  - GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài: Cô bé chăm chỉ.  - GV đọc mẫu.  - Luyện đọc từ ngữ: chăm chỉ, khắp nhà, ê a, đi xe đạp, khám, thú vị lắm.  - Luyện đọc câu.  + GV: Bài có 6 câu. GV chỉ từng câu, HS đọc.  - Đọc tiếp nối từng câu.  - Thi đọc nối tiếp 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài (quy trình như các bài trước).  - Tìm hiểu bài đọc:  ? Bé Chi chăm chỉ thế nào.  **\* HĐ2**: Tìm trong bài đọc 1 tiếng có vần **am***,* vần **ap***,* vần **ăm***,* vần **ăp***.*  - GV nêu YC HS gạch chân tiếng có vần cần tìm trong VBT.  **khắp.**  **\* HĐ 3:** Tập chép  - HS đọc trên bảng câu văn cần tập chép.  - Cả lớp đọc thầm câu văn; chú ý những từ các em dễ viết sai.  - HS nhìn mẫu, viết vào VBT câu văn với chữ cỡ vừa.  - HS viết xong, soát lại bài; đổi bài để sửa lồi cho nhau.  - GV chữa bài cho HS, nhận xét chung.  **3. Củng cố, dặn dò**  - GV nhắc HS về nhà xem trước bài 40 (âm, âp).  - Nhận xét tiết học. | - HS hát vận động.  - HS nhắc YC bài.  - HS lắng nghe.  - HS luyện đọc.  - Cá nhân - từng cặp.  - HS đọc nối tiếp câu.  - HS thi đọc.  - HS trả lời.  - HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả: Tiếng có vần **am: khám.** Tiếng có vần **ap: đạp.** Tiếng có vần **ăm: chăm, lắm.** Tiếng có vần **ăp:**  - HS báo cáo kết quả.  - HS khác nhận xét.  - HS thực hiện.  - HS viết vào vở.  - HS soát bài.  - HS lắng nghe. |

------------------------------------------------------------------------

Toán

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo - Tiết 4)

**I. Mục tiêu**

**1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:**

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập **Bảng cộng trong phạm vi 6.**

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.

**2. Năng lực:**

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế. (Năng lực giải quyết vấn đề toán học)

**3. Phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Chuẩn bị**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Khởi động**  Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.  2. Khám phá  - Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau.  - Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).  - Sắp xếp các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.  - GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  - GV tổng kết.  3. Thực hành, luyện tập  Bài 1: Tính nhẩm  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở.  - Nhận xét.  **Bài 2: Nêu các phép tính còn thiếu**  HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích họp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp.  - Nhận xét.  **4. Vận dụng**  - YCHS nghĩ ra một số tinh huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.  - Nhận xét.  5. Củng cố, dặn dò  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 đế hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6.*  - HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).  - HS thực hiện.  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  1 + 1 2 + 1 3 + 1 4 + 1 5+1  1 + 2 2 + 2 3 + 2 4 + 2  1 + 3 2 + 3 3 + 3  1 + 4 2 + 4  1 + 5  - Chia sẻ trước lớp.  - HS nghĩ ra một số tinh huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.  - HS trả lời. |

------------------------------------------------------------

Hoạt động trải nghiệm 3

**SINH HOẠT LỚP - CHIA SẺ VIỆC THỰC HIỆN NỀN NẾP SINH HOẠT**

**I. Yêu cầu cần đạt**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Bước đầu biết tự đánh giá bản thân trong việc thực hiện nền nếp sinh hoạt

- Bước đầu tự giác thực hiện nền nếp sinh hoạt.

**II. Chuẩn bị**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định: Hát**  **2. Các bước sinh hoạt**  **a. Nhận xét trong tuần 7:**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  + Đi học chuyên cần.  + Tác phong, đồng phục.  + Chuẩn bị bài, đồ dùng học tập.  + Vệ sinh.  - GV nhận xét qua 1 tuần học.  **\* Tuyên dương:**  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  **\* Nhắc nhở:**  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  **b.Phương hướng tuần 8**  - Thực hiện dạy tuần 8, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  c. Thực hiện nề nếp sinh hoạt.  - GV cho lớp chia sẻ theo nhóm nhỏ với nội dung.  + Hãy nêu những việc em đã thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngàylớp, ở trường?  + Hãy nêu những việc em đã thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày ở nhà?  + Nêu cảm xúc của mình sau khi thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày ở lớp, ở trường và ở nhà.  - GV đánh giá chung kết quả thực hiện nền nếp sinh hoạt của HS.  - GV nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt ở nhà vàtrường. | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS làm việc nhóm 4. Chia sẻ với nhau về các nội dung GV đưa ra.  + HS nêu cảm xúc của mình.  - Lắng nghe.  - Theo dõi. |

--------------------------------------Hết tuần 7-----------------------------------------